

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019-2020

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó:	157.958	x		
a	Trụ sở chính	157.958	x		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó:	112.242			
a	Trụ sở chính	112.242	x		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				



B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	37	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	4.406	x		
2	Phòng thực hành	33	Đào tạo	Sinh viên	3.920	x		
3	Thư viện	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	2.934	x		
4	Nhà tập đa năng	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	3.870	x		
5	Nhà thể thao cán bộ	1	Rèn luyện TDTT	CB, giảng viên	270	x		
6	Diện tích bể bơi	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	1.250	x		
7	Diện tích sân vận động	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	18.375	x		
8	Diện tích sân tennis	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	1.780	x		
9	Diện tích sân bóng rổ	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	198	x		
10	Diện tích sân bóng chuyền	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	3.000	x		
11	Nhà, vườn thí nghiệm sinh học	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	147	x		
12	Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	23.128	x		
13	Nhà ăn sinh viên	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	1.500	x		
14	Hội trường	2	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	3.090	x		
15	Nhà làm việc và NCKH A1, A2, A3, A4, A5, trạm y tế	6	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	20.329	x		
a	Phòng học nhạc, họa, múa	7	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	417 (trong nhà A5)	x		
16	Trung tâm phát triển kỹ năng Sư phạm	1	Đào tạo và BD giáo viên	SV và GVPT	4.400	x		
17	Giảng đường	6	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	17.545	x		
a	Phòng học đa phương tiện	2	Đào tạo, NCKH	ĐH, Ths, TS	155 (nằm trong GD B2)	x		
18	Phòng máy	14			2100			
a	Phòng học Ngoại ngữ, tin học (trong GĐB3, thư viện, TTPTKN), P thực hành sư phạm các môn học	11	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	692 ((nằm trong GD B3)	x		
b	Phòng trực tuyến	2	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	114 (nằm trong GD B3, nhà A4)	x		
c	Phòng học cài đặt máy tính (trong GĐB3)	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	75 (nằm trong GD B3)	x		

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	12
2	Số chỗ ngồi đọc	800
3	Số máy tính của thư viện	102
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	21.359 đầu tài liệu/ 291.589 cuốn
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	01

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	35,0 m ² /SV
2	Diện tích sàn/sinh viên	25,0 m ² /SV

Người lập biểu


Lý Văn Hoan

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 06 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Mai Xuân Trường